

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2021

V/v: *Xin ly hôn.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Huy Viễn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đinh Văn Linh.

2. Ông Nguyễn Quang Quốc.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Phạm Quang Hà – thư ký
Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử
sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18a/2021/TLST-HNGĐ, ngày
16/4/2021, về việc: “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
03/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa
số: 02/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 29/6/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Bùi Hữu V, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai - có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Tăng Thị Bích H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai – vắng mặt lần thứ hai (có
đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 16/4/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên
đơn là ông Bùi Hữu V trình bày:** Tôi với bà Tăng Thị Bích H kết hôn với nhau
và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương vào
ngày 04/11/1984. Việc kết hôn của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện, trước khi
kết hôn thì chúng tôi đã có sự tìm hiểu, yêu thương nhau và được sự đồng ý của
gia đình hai phía. Sau khi kết hôn thì chúng tôi chỉ chung sống hạnh phúc với
nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi
nhau mà nguyên nhân là do vợ tôi thiếu tôn trọng tôi, thường xuyên nói năng xúc
phạm đến danh dự của tôi. Mặc dù tôi đã khuyên bảo, nhắc nhở để giữ gìn hạnh
phúc gia đình nhưng bà H không nghe mà ngày càng kiểm chuyện với tôi nhiều
hơn. Chính vì vậy, năm 2003 tôi đã nộp đơn ra Tòa án xin ly hôn với bà H nhưng
được sự động viên của Tòa án và gia đình hai bên nên tôi đã rút lại đơn để quay
lại chung sống với bà H. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng không giảm mà ngày
càng trầm trọng, chúng tôi thường xuyên cãi nhau và cũng không còn tôn trọng

hay quan tâm gì đến nhau nữa. Năm 2017 vì không thể chịu đựng nổi nên tôi với bà H đã sống ly thân và không còn tình cảm gì với nhau nữa. Nay tôi thấy mâu thuẫn giữa tôi và bà H đã không thể hàn gắn được nữa, hạnh phúc gia đình đã thật sự không còn nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết cho tôi được ly hôn với bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung là cháu Bùi Hữu V sinh năm 1986, cháu Bùi Thị Tơ T sinh năm 1989 và cháu Bùi Hữu Th sinh năm 1992. Hiện nay cả ba cháu đã trưởng thành, có gia đình riêng và tự lập được nên khi ly hôn tôi không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là bà Tăng Thị Bích H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại hồ sơ vụ án bà Hạnh có lời trình bày như sau: Tôi và ông Bùi Hữu V sau quá trình tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Chúng tôi có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương vào năm 1984. Tuy nhiên, thời gian vợ chồng sống hạnh phúc rất ngắn, mâu thuẫn xảy ra chỉ sau 2, 3 năm sau khi kết hôn. Năm 1996 tôi và ông V cùng các con vào thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai lập nghiệp và sinh sống cho đến nay. Trong cuộc sống, ông V là người có tính gia trưởng, luôn áp đặt mọi điều cho vợ con, gia đình. Vợ chồng cứ hề mâu thuẫn, tranh cãi là ông V lại chửi bới, đánh đập tôi khiến cho không khí gia đình luôn căng thẳng. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn tình cảm với nhau. Tuy nhiên, vì con cái nên tôi chấp nhận cuộc sống hiện tại nên ông V khởi kiện xin ly hôn thì tôi không đồng ý. Tôi chấp nhận là vợ chồng vẫn sống ly thân như hiện tại vì con cái đã lớn và đã có gia đình riêng nên thông gia hai bên và họ hàng nhìn vào không biết nói sao với họ.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung tên là Bùi Hữu V, sinh ngày 13/9/1986; Bùi Thị Tơ T, sinh ngày 14/6/1989 và Bùi Hữu Th, sinh ngày 14/6/1992. Các con đều đã lớn, xây dựng gia đình riêng và tự lập được hết. Tôi không có ý kiến gì về các con.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, các thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Hữu V và cho ông V được ly hôn với bà Tăng Thị Bích H.

- Về án phí: Ông V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn trong vụ án là ông Bùi Hữu V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Tăng Thị Bích H. Cả ông V và bà H đều có địa chỉ nơi cư trú tại thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai. Do đó, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, bị đơn là bà Tăng Thị Bích H vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án: Ông Bùi Hữu V và bà Tăng Thị Bích H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Th, tỉnh Hải Dương vào ngày 04/11/1984. Do đó, hôn nhân của ông V và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Hữu V và bà Tăng Thị Bích H, thấy rằng: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa ông V và bà H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm và lối sống mà nguyên nhân chủ yếu là do ông bà chưa thực sự hiểu, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau. Bản thân ông V có tính gia trưởng, nóng nảy nên nhiều lần đánh đập bà H trong khi bà H là vợ nhưng cũng có một phần lỗi là thiếu tế nhị, chưa khéo léo trong cách cư xử và lời ăn tiếng nói với chồng dẫn đến giữa ông bà hay xung đột, cãi vã nhau. Đó cũng là nguyên nhân làm cho cuộc sống chung của vợ chồng ông bà không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và không thể hàn gắn được. Năm 2003 ông V đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà H nhưng được sự đồng ý của Tòa án và gia đình hai bên nên ông đã rút lại đơn để quay về chung sống với bà H. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng không giảm mà ngày càng trầm trọng hơn. Do tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên ông V đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà H thừa nhận trong cuộc sống bà và ông V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nhiều lần. Bản thân bà và ông V đã không còn tình cảm gì với nhau, mỗi lần xung đột vợ chồng thường xuyên chửi bới, xúc phạm nhau, ông V đánh bà nhiều lần. Từ năm 2017 đến nay bà và ông V đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tuy nhiên, bà không đồng ý ly hôn với ông V mà lý do theo bà là do con cái hiện nay đã trưởng thành, có gia đình riêng nên nếu ly hôn sẽ không biết ăn nói thế nào khi thông gia gặp nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng không thành.

Qua xác minh tại địa phương về quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà H thể hiện: Vợ chồng ông bà mâu thuẫn đã lâu, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng về nhiều vấn đề trong cuộc sống như làm ăn kinh tế, ngoại tình và ông bà đã sống ly

thân với nhau từ lâu. Trước đây ông bà đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn một lần nhưng sau đó lại rút đơn về nhưng mâu thuẫn giữa ông bà không giảm mà ngày càng nhiều hơn.

Xét tình trạng hôn nhân giữa ông V và bà H đã đến mức trầm trọng, mâu thuẫn giữa ông bà xảy ra đã lâu và không thể hàn gắn được. Như vậy, mục đích của hôn nhân của ông bà không đạt được nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hữu V và xử cho ông được ly hôn với bà Tăng Thị Bích H là có căn cứ.

Đối với ý kiến của bà H về việc đề nghị bà và ông V tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân như vậy là không phù hợp với mục đích của hôn nhân nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông Bùi Hữu V và bà Tăng Thị Bích H có 03 con chung là Bùi Hữu V, sinh ngày 13/9/1986; Bùi Thị Tơ T, sinh ngày 14/6/1989 và Bùi Hữu Th, sinh ngày 14/6/1992. Hiện nay, các con của ông bà đều trưởng thành, đã xây dựng gia đình riêng và tự lập được nên ông bà không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét, đề cập đến trong phần quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Hữu V và bà Tăng Thị Bích H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, đề cập đến trong phần quyết định. Sau này, nếu ông bà có tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ông Bùi Hữu V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 235, 238, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Bùi Hữu V và cho ông V được ly hôn với bà Tăng Thị Bích H.

2. Về án phí: Ông Bùi Hữu V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009738, ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai; ông V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm, riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Huy Viễn